

Số: 724/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Thực hiện Văn bản số 2144/LĐTBXH-BTXH ngày 01/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 346/TTr-SLĐTBXH ngày 25/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Lao động - TBXH;
- Cục Bảo trợ xã hội, Bộ LĐ - TBXH;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH, KGVX1;
- Gửi: Điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Vinh

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025
và tầm nhìn đến năm 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 13/03/2018 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong việc cụ thể hóa Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tranh thủ tối đa các nguồn lực để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Góp phần nâng cao khả năng tự đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người dân; đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội phải đúng trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả và bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn cụ thể; lồng ghép các hoạt động vào quá trình xây dựng, triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển về lao động và xã hội.

b) Trợ giúp xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh và từng bước tiếp cận với mức sống tối thiểu từng thời kỳ; ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Trợ giúp xã hội phải đa dạng về mô hình, toàn diện cả về vật chất và tinh thần phù hợp với đời sống con người, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân; đảm bảo người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về trợ giúp xã hội; tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân có hoàn cảnh khó khăn; mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, ưu tiên người nghèo, người sống ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển; nâng mức trợ giúp xã hội phù hợp với thực tế, khả năng ngân sách nhà nước và xu hướng quốc tế; bảo đảm người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội;

đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp xã hội, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2017 - 2020

a) 100% số đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện theo quy định được trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng nhóm đối tượng là người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội sống ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội. Người cao tuổi từ đủ 70 tuổi trở lên chưa có thẻ bảo hiểm y tế được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

b) 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu; trong đó tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2025

a) 100% số đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện theo quy định được trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng; có chính sách trợ giúp trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; tiếp tục mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ giúp xã hội khi có hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan.

b) 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

c) 30% đơn vị cấp huyện có cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, bảo đảm mỗi xã, phường, thị trấn, có ít nhất 01 nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

a) 100% số đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng chính sách hiện hành được trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ giúp xã hội, mức hưởng trợ cấp xã hội điều chỉnh phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, Trung ương và các nguồn vận động hợp pháp khác.

b) 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

c) 50% đơn vị cấp huyện có cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội; 60% số cơ sở trợ giúp xã hội là cơ sở ngoài công lập; có ít nhất mỗi xã, phường, thị trấn có 1 - 2 nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng:

Các tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; ưu tiên hỗ trợ cho đối tượng là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em,...

2. Phạm vi:

Triển khai thực hiện trên toàn tỉnh; ưu tiên đầu tư nguồn lực thực hiện tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng có người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, vùng bãi ngang ven biển .v.v.

IV. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ chăm sóc và giúp đỡ đối tượng trợ giúp xã hội; các quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội; các biện pháp, giải pháp, mô hình trợ giúp xã hội hiệu quả; gương điển hình tiên tiến vượt khó, những nội dung khác có liên quan nhằm làm thay đổi cách nhìn từ khía cạnh hoạt động nhân đạo sang khía cạnh chia sẻ trách nhiệm xã hội và dựa vào nhu cầu và quyền con người.

b) Xây dựng nội dung tuyên truyền, đa dạng các hình thức tuyên truyền, hình thành các kênh thông tin phù hợp; xây dựng các chuyên mục trên báo, các trang website, truyền hình về pháp luật liên quan đến các hoạt động trợ giúp xã hội. Xây dựng các tài liệu tuyên truyền theo hướng gọn, nhẹ, dễ hiểu và đầy đủ thông tin.

c) Giao trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm giáo dục, truyền thông về trợ giúp xã hội; Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giáo dục, truyền thông về trợ giúp xã hội cho Nhân dân trên địa bàn.

2. Hỗ trợ các đối tượng trợ giúp xã hội trong việc tiếp cận các chính sách về an sinh xã hội

2.1. Triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2025

- Giai đoạn 2018 - 2020:

+ Thực hiện kịp thời các Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng gia nông thôn mới và các chính sách, pháp luật hiện hành.

+ Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt các cơ chế, chính sách giảm nghèo riêng phù hợp với tình hình từng địa phương, như: Cơ chế chính sách các xã, thôn đặc biệt khó khăn không còn diện đầu tư của Chương trình 135, dự án xã nghèo đặc biệt khó khăn ven biển đã được công nhận đạt chuẩn nông

thôn mới; chính sách cho các hộ thoát nghèo; các thôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao giai đoạn 2017 - 2020.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện các chính sách, nội dung, chương trình, kế hoạch giảm nghèo theo tiêu chí mới.

2.2. Trợ cấp xã hội:

Giải quyết các chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ và Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015, Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các chính sách, pháp luật hiện hành. Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện trên địa bàn toàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội tại các địa phương.

2.3. Trợ giúp khẩn cấp; hỗ trợ đột xuất cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

a) Hoàn thiện chính sách và phát triển dịch vụ trợ giúp khẩn cấp theo hướng dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể và khả năng khắc phục rủi ro của cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ và trẻ em bị mua bán.

b) Có cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các chính sách, chương trình liên quan (xây dựng nông thôn mới, việc làm, giảm nghèo bền vững, phòng và giảm tác hại của biến đổi khí hậu) với phát triển các hình thức bảo hiểm (bảo hiểm sản xuất, bảo hiểm tài sản, con người) ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, tác động của biến đổi khí hậu có sự hỗ trợ của Nhà nước.

c) Tăng cường phân cấp quản lý cho địa phương và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực huy động trợ giúp khẩn cấp.

d) Tổ chức tặng quà, thăm hỏi động viên trong những ngày lễ, tết, nhất là ngày Người khuyết tật Việt Nam 18/4, ngày Quốc tế Người khuyết tật 03/12, ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam 06/6, ngày Quốc tế Người cao tuổi 01/10...

3. Mạng lưới hệ thống, dịch vụ trợ giúp xã hội

a) Xây dựng quy hoạch hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; đa dạng hóa các hình thức đầu tư, quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động nguồn lực trợ giúp xã hội để phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội, nhất là người cao tuổi, người khuyết

tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

- Giai đoạn 2018 - 2025:

+ Đầu tư, nâng cấp, mở rộng quy mô, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập hiện có để đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật và từng bước thực hiện dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng tập trung theo hình thức tự nguyện, đáp ứng nhu cầu xã hội trong tình hình mới (Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội, Làng Trẻ em mồ côi Hà Tĩnh; Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật);

+ Bổ sung cơ sở vật chất, chức năng nhiệm vụ về BTXH chuyên biệt (phục hồi chức năng cho người khuyết tật, người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí) tại Cơ sở cai nghiện hiện nay;

+ Xây dựng thêm một số mô hình tạm lánh để tiếp nhận, chăm sóc các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại các huyện; quy hoạch, xây dựng một số cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập (cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, cơ sở bảo trợ xã hội và phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại các huyện, thành phố, thị xã).

- Giai đoạn 2026 - 2030:

+ Hỗ trợ nhân rộng mô hình cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện để cung cấp dịch vụ trợ giúp cho cá nhân, gia đình, cộng đồng có vấn đề xã hội.

b) Thí điểm mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi, người khuyết tật không có người chăm sóc, phụng dưỡng; mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật và một số mô hình trợ giúp xã hội khác.

c) Nguồn kinh phí hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần, nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, đóng góp tự nguyện của cá nhân trong và ngoài nước; ngân sách nhà nước hỗ trợ ban đầu khi triển khai thí điểm mô hình cơ sở trợ giúp xã hội.

4. Cơ chế huy động, sử dụng nguồn lực

a) Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, của ngành; nâng định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội tăng từ 1,5 - 2 lần mức quy định hiện nay. Huy động tối đa nguồn ngân sách, ưu tiên cho thực hiện chế độ chính sách trực tiếp cho đối tượng.

b) Nhà nước hỗ trợ chi phí cho đối tượng sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội do các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và cơ sở ngoài công lập cung cấp theo khung giá và danh mục dịch vụ sự nghiệp công được pháp luật quy định.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

5. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện trợ giúp xã hội

a) Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội) có nhiệm vụ chủ trì, nghiên cứu, xây dựng, quản lý và tổ chức triển khai chiến lược, chương trình an sinh xã hội trợ giúp cho người nghèo và đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức triển khai thực hiện chính sách trợ giúp tiền mặt trực tiếp cho đối tượng về giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các chính sách khác; Xây dựng tiêu chí xác định đối tượng dựa vào nhu cầu cần trợ giúp xã hội; có quy trình đối tượng tự đăng ký xét duyệt bảo đảm công khai, minh bạch; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội khác trên cơ sở sử dụng số và thẻ an sinh xã hội điện tử.

b) Các sở, ban, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức triển khai thực hiện cung cấp các dịch vụ công một cách hiệu quả và hữu ích cho tất cả mọi đối tượng chính sách.

c) Bru điện tinh thực hiện công tác chi trả trợ cấp xã hội và các chính sách hỗ trợ tiền mặt cho cá nhân, hộ gia đình, đối tượng hưởng lợi.

6. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội

a) Xây dựng, bố trí và kiện toàn đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội các xã, phường, thị trấn và nhân viên công tác xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội, trường học, cơ sở y tế.

b) Hỗ trợ các cơ sở đào tạo xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên làm công tác trợ giúp xã hội.

c) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ quản lý, nhân viên, cộng tác viên và gia đình về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, trợ giúp xã hội cho đối tượng.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu, học tập kinh nghiệm

Tổ chức các đoàn công tác tham gia nghiên cứu, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về các lĩnh vực phòng ngừa, phát hiện, chăm sóc và trợ giúp xã hội cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng. Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong tỉnh, trong nước, nước ngoài trong việc hỗ trợ kinh nghiệm, nguồn lực để triển khai đạt các mục tiêu của Kế hoạch.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, các đơn vị, địa phương xây dựng dự toán ngân sách gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; lồng ghép với dự án phát triển trợ giúp xã hội đối với đối tượng yếu thế thuộc Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội khác.

Kinh phí tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên, gia đình đối tượng; sửa chữa, nâng cấp cơ sở trợ giúp xã hội và các mô hình được thực hiện lồng ghép với các chương trình, đề án: Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng, trợ giúp phục hồi chức năng cho người tâm thần, phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2020. Từ năm 2021, các nội dung này được bố trí dự toán từ ngân sách nhà nước theo Đề án của Chính phủ và Kế hoạch của tỉnh.

2. Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Kế hoạch theo định hướng chung của tỉnh và Trung ương.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia chăm sóc đối tượng trợ giúp xã hội thông qua việc cung cấp tài chính để các tổ chức xã hội thực hiện các chương trình, đề án theo định hướng chung của Nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội cho các nhóm đối tượng khác nhau theo cơ chế tự cân đối thu chi hoặc được hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước.

Hàng năm, căn cứ Kế hoạch đã được phê duyệt và tình hình thực tế của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng dự toán ngân sách gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch; tham mưu, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách trợ cấp, trợ giúp cho đối tượng xã hội; tổ chức giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện của các sở, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án có liên quan về trợ giúp xã hội theo Kế hoạch này và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

3. Sở Tài chính căn cứ khả năng ngân sách, chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện hàng năm để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các cơ quan truyền thông đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng thiết thực, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

5. Các sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện tốt các nội dung liên quan của Kế hoạch.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Kế hoạch về trợ giúp xã hội phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Nắm bắt tình hình, quản lý đối tượng trên địa bàn; định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các hội, đoàn thể tích cực tham gia các hoạt động của Kế hoạch; phối hợp tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác trợ giúp xã hội nhằm nâng cao nhận thức trong việc chăm lo, bảo vệ, trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội trong hội viên, đoàn viên và Nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện, định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6), hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Vinh